

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2568**/UBND-KTN

Quảng Ngãi, ngày **21** tháng 5 năm 2024

V/v đơn đốc thực hiện một số
nhiệm vụ cấp bách về bảo vệ
môi trường trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Để tiếp tục triển khai Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu quả, xét đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2308/STNMT-MT ngày 17/5/2024, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp:

1.1. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm:

- Chỉ đạo hoàn thiện hạ tầng bảo vệ môi trường và tăng cường công tác bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 51 và Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường.

- Đơn đốc chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp thực hiện rà soát và yêu cầu các cơ sở đang xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phải chấm dứt việc xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa (*quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 51 và điểm đ khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường*); lắp đặt hoàn thiện hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục bảo đảm đúng thời hạn quy định (*chậm nhất trước ngày 31/12/2024 theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*).

- Yêu cầu chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật, trong đó, lưu ý không tiếp nhận thêm dự án

mới hoặc nâng công suất dự án đang hoạt động có phát sinh nước thải sản xuất trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trong trường hợp khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không có hoặc không đáp ứng một trong các yêu cầu về hạ tầng bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm theo quy định pháp luật trong trường hợp các khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa bảo đảm thời hạn phải hoàn thành và yêu cầu bắt buộc phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 48, Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Báo cáo UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) kết quả thực hiện (*đến thời điểm hiện nay*) các quy định về bảo vệ môi trường đối với các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; việc đảm bảo thời hạn hoàn thành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp đang hoạt động và thời hạn chấm dứt việc xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường **trước ngày 10/6/2024**.

1.2. Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối ngân sách để đầu tư hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không có nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng.

1.3. UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn đơn đốc và yêu cầu các cụm công nghiệp đang hoạt động phải hoàn thành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Về bảo vệ môi trường làng nghề

2.1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức đánh giá mức độ ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp đề xuất của địa phương, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất nội dung tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây ô nhiễm môi trường kéo dài ra khỏi khu dân cư, làng nghề theo quy định.

2.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh quy hoạch, xây dựng, cải tạo và phát triển làng nghề gắn với bảo vệ môi trường.

- Tổng hợp đề xuất của UBND các huyện, thị xã, thành phố, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề.

- Trên cơ sở đề xuất của UBND các huyện, thị xã, thành phố, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thu hồi bằng công nhận theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn đối với trường hợp các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được UBND tỉnh công nhận nhưng chưa bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường, **trong thời gian 36 tháng kể từ ngày 10/01/2022⁽¹⁾**.

2.3. Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề thuộc trách nhiệm của địa phương theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Luật Đầu tư công.

2.4. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; khu tập kết, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho làng nghề; xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề.

- Tổng hợp nhu cầu ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề;

- Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; chỉ đạo, triển khai thực hiện các mô hình bảo vệ môi trường làng nghề; đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Nhà nước đầu tư từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nguồn chi sự nghiệp môi trường và khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

- Trình UBND tỉnh (*thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) xem xét phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 35 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Đề xuất kế hoạch di dời cơ sở, hộ gia đình, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây ô nhiễm môi trường kéo dài ra khỏi khu dân cư, làng nghề gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

- Rà soát, tổng hợp danh sách các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được UBND tỉnh công nhận theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn nhưng chưa bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và đề nghị UBND tỉnh thu hồi quyết định **trong thời gian 36 tháng kể từ ngày 10/01/2022⁽²⁾**.

(1) Theo quy định tại khoản 13 Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

(2) Theo quy định tại khoản 13 Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.5. UBND các xã, phường, thị trấn:

- Xây dựng, trình UBND cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, kế hoạch di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề đã được UBND tỉnh phê duyệt (*nội dung của phương án bảo vệ môi trường làng nghề được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*).

- Triển khai thực hiện phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề trên địa bàn.

- Thành lập, ban hành quy chế hoạt động, hướng dẫn hoạt động của tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề. Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề có trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 4 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Rà soát, báo cáo UBND cấp huyện danh sách cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề; cơ sở, hộ gia đình không thực hiện kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề và các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 35 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Về việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ:

3.1. UBND thành phố Quảng Ngãi và UBND thị xã Đức Phổ:

- Rà soát, chỉ đạo chủ dự án đầu tư, đơn vị quản lý các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt: (1) Bãi rác thị xã Quảng Ngãi (bãi rác Nghĩa Kỳ cũ) thuộc thị xã Quảng Ngãi (nay là thành phố Quảng Ngãi) và (2) Bãi rác thị trấn Đức Phổ thuộc huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) chịu trách nhiệm xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt (*theo quy định tại Điều 80 Luật Bảo vệ môi trường*) và thực hiện đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động (*theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT*); trong trường hợp cần thiết thì khẩn trương kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh (*qua Sở Tài chính*) xem xét bố trí nguồn lực, kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương, thu hút nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo đúng quy định của pháp luật để xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

- Chủ động rà soát, tham mưu thực hiện nội dung chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 647/VPCP-NN ngày 26/01/2022 về kết quả triển khai Kế hoạch xử lý ô nhiễm triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020⁽³⁾ và của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số

⁽³⁾ Ngày 26/01/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 647/VPCP-NN về kết quả triển khai Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020, trong đó thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành: “*Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí nguồn lực, kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương, thu hút nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo đúng quy định của pháp luật để xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi*

1916/UBND-KTN ngày 28/4/2023 về việc thực hiện Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

- Báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) **trước ngày 30/10/2024** để theo dõi, chỉ đạo.

3.2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính chịu trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh xem xét bố trí nguồn lực, kinh phí theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối ngân sách, thu hút nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo đúng quy định của pháp luật để xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành tại văn bản số 647/VPCP-NN ngày 26/01/2022 của Văn phòng Chính phủ.

4. Về việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt:

4.1. Sở Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ, tập huấn về chuyên môn cho các địa phương trong công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

4.2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 04/4/2024 của UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2025; khẩn trương chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và văn bản quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt phải được thực hiện **chậm nhất vào ngày 31/12/2024**; thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tăng cường các hoạt động tái sử dụng, tái chế chất thải, sản phẩm thải bỏ, tận dụng tối đa giá trị, kéo dài vòng đời của sản phẩm, vật liệu; giảm tối đa lượng chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý theo phương án chôn lấp trực tiếp tại các bãi rác, giảm diện tích chôn lấp; tiết kiệm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý; giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao hiệu quả xử lý chất thải rắn, hướng tới nền kinh tế tuần hoàn.

4.3. UBND cấp xã thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội các cấp vận động cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở có trách nhiệm giám sát việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân.

5. Về việc hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa

5.1. Sở Công Thương triển khai đến các tổ chức, cá nhân liên quan về lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa được quy định tại Điều 64 Nghị định 08/2022/NĐ-CP; phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng tham mưu UBND tỉnh thực hiện các giải pháp để đáp ứng các mốc thời gian quy định theo lộ trình nêu trên. Trong đó lưu ý bảo đảm sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học.

5.2. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các giải pháp để bảo đảm sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) tại các khách sạn, khu du lịch, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học.

5.3. Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học trên địa bàn; đồng thời phối hợp với Sở Công Thương và Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để thực hiện lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa được quy định tại Điều 64 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

6. Về việc thực hiện Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030:

6.1. Các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; đảm bảo vấn đề an ninh rác trên địa bàn tỉnh; báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) kết quả thực hiện năm 2024 và kế hoạch thực hiện trong năm 2025 trước **ngày 30/10/2024**.

6.2. Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên ngành

công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, đảm bảo phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm trong công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

7. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí trên địa bàn tỉnh:

7.1. Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh xem xét ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

7.2. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi tăng cường tổ chức kiểm tra, giám sát các nguồn thải khí thải (đặc biệt là nguồn điện từ các khu vực công trình xây dựng; nguồn điểm từ các cơ sở sản xuất công nghiệp) trên địa bàn quản lý; yêu cầu các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn thực hiện nghiêm các biện pháp kiểm soát, bảo đảm xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, đặc biệt là các cơ sở có phát sinh nguồn bụi, khí thải lớn; đôn đốc, giám sát các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc khí thải tự động và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

7.3. Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan căn cứ hồ sơ môi trường đã được phê duyệt, thẩm định và cấp phép tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện của doanh nghiệp; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7.4. Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và các đơn vị chức năng tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân không đốt chất thải rắn, rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch để giảm phát sinh khí thải, bụi gây ô nhiễm môi trường. Thường xuyên kiểm tra thực tế, xác định và ngăn chặn kịp thời các hoạt động đốt mở trên địa bàn. Đồng thời, có các giải pháp triệt để, tận thu tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp cho các mục đích khác, hạn chế tình trạng đốt tại ruộng gây ô nhiễm môi trường. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hành vi đốt chất thải rắn sinh hoạt sai quy định.

7.5. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi căn cứ vào chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước do ngành mình quản lý chỉ đạo các đơn vị chức năng liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các chủ dự án, đơn vị quản lý, thi công các công trình xây dựng, giao thông, cải tạo hạ tầng đô thị thực hiện nghiêm các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh (che chắn công trình; bảo đảm các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng phải có mui, bạt che đầy, không để rơi vãi vật liệu khi tham gia giao thông; hút bụi, hạn chế phun nước rửa đường để bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn giao thông; rửa xe trước khi ra vào công trình phá dỡ, công trình xây dựng,...

7.6. Chính quyền các cấp, các ngành, các cơ quan y tế địa phương và các cơ quan truyền thông tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân thực hành các biện pháp, giải pháp bảo vệ sức khỏe đối với tình hình ô nhiễm bụi trong không khí tại những thời điểm chất lượng không khí bị ô nhiễm bụi.

7.7. Các cơ quan truyền thông trên địa bàn sử dụng các kết quả, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường không khí chính thống do các cơ quan có thẩm quyền thực hiện để cung cấp thông tin cho cộng đồng xã hội thông qua các phương tiện truyền thông hoặc thông tin dự báo thời tiết hàng ngày.

7.8. Các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao bố trí nguồn lực, tăng cường chỉ đạo, đôn đốc và giám sát các đơn vị trực thuộc tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021-2025 và nhiệm vụ đã được UBND tỉnh chỉ đạo tại các văn bản số 1140/UBND-KTN ngày 22/3/2023; số 394/UBND-NNTN ngày 26/01/2021 về việc tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, ô nhiễm bụi và khí thải trên địa bàn tỉnh.

8. Về việc cấp giấy phép môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành:

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, thống kê danh sách và hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (thuộc địa bàn quản lý) quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2022) phải có giấy phép môi trường **trong thời hạn 36 tháng** kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi (*sau đây gọi chung là giấy phép môi trường thành phần*). Giấy phép môi trường thành phần được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường đến hết thời hạn của giấy phép môi trường thành phần hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành trong trường hợp giấy phép môi trường thành phần không xác định thời hạn.

9. Tăng cường công tác giám sát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Quyết định 750/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành kế hoạch tăng cường phòng ngừa, giám sát, kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện:

9.1. Rà soát, thống kê, cập nhật, theo dõi, bổ sung danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP trên địa bàn quản lý:

- Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi rà soát, thống kê danh sách các cơ sở **nằm trong** địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 30/6/2024**.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, thống kê danh sách các cơ sở **nằm ngoài** địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 30/6/2024**.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổng hợp, cập nhật, theo dõi, bổ sung danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP trên địa bàn.

9.2. Tăng cường giám sát tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP trên địa bàn quản lý.

9.3. Phối hợp chặt chẽ, kịp thời và cử cán bộ tham gia các Tổ giám sát do Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập; tham gia các Tổ khảo sát, kiểm tra, xác minh các vụ việc nóng về bảo vệ môi trường do Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường thực hiện trên địa bàn quản lý.

9.4. Đôn đốc các cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải chấp hành đúng quy định về thời hạn phải hoàn thành việc lắp đặt, vận hành và truyền dữ liệu. Kiểm soát chặt chẽ tín hiệu đường truyền dữ liệu đảm bảo kết nối liên tục, trường hợp phát hiện xả thải vượt quy chuẩn cần tiến hành lấy mẫu phân tích, xử lý vi phạm theo quy định.

9.5. Việc quy hoạch các phân khu chức năng trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải bảo đảm giảm thiểu ảnh hưởng của các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác; thuận lợi cho công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

10. Về việc công khai thông tin môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm:

10.1. Thực hiện việc công khai thông tin môi trường và hướng dẫn các chủ dự án đầu tư, cơ sở, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại các tổ chức, cá nhân cung ứng và được chi trả tiền dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên thực hiện việc công khai thông tin môi trường theo quy định tại Điều 102 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

10.2. Lồng ghép thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công khai thông tin môi trường của trong quá trình thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của chủ dự án, cơ sở theo quy định pháp luật.

11. Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương phối hợp, tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì chủ động phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất các giải pháp tháo gỡ, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo theo quy định.

12. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn này; kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với các nội dung thuộc thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.273



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Phước Hiền